

Biểu mẫu 10*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/ 12 /2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)***SỞ GD & ĐT TP.CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT CHÂU VĂN LIÊM****THÔNG BÁO***Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông đầu năm học 2024-2025*

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp10	Lớp11	Lớp12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1657	532	577	548
	Số học sinh chia theo hạnh kiểm K.12	548	/	/	548
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	547 99,82%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	1 0,18%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
	Số học sinh chia theo hạnh kiểm K.10. 11	1109	532	577	0
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	/	399 75,0%	429 74,35%	/
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	/	2 0,38%	3 0,52%	/
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1657	532	577	548
	Số học sinh chia theo học lực Khối 12	548	/	/	548
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	423 77,74%	/	/	423 77,74%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	115 20,99%	/	/	115 20,99%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
	Số học sinh chia theo học lực Khối 10, 11	1109	532	577	0
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	828 74,66%	399 75,0%	429 74,35%	/
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	276 24,88%	131 24,62%	145 25,13%	/
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	5 0,45	2 0,38	3 0,52	/
4	Không đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1657	532	577	548

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp10	Lớp11	Lớp12
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1657 100%	532 100%	577 100%	548 100%
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	224 13,50%	88 16,54%	136 23,57%	/
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1029 62,10%	310 58,27%	293 50,8%	426 77,74%
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	115 20,99%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,18%	0	0	1 0,18%
5	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	13 0,78%	2 0,12%	6 0,12%	5 0,91%
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	386	77	141	168
1	Cấp tỉnh/thành phố	364	77	120	167
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	22	0	21	1
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	548	/	/	548
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	548	/	/	548
VII	Số học sinh thi đỗ đại học (chỉ tính đỗ đại học nguyện vọng 1) (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/
IX	Số học sinh nam	664	227	225	212
	Số học sinh nữ	1031	356	329	346
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	122	35	44	43

Cần Thơ, ngày 30 tháng 9 năm 2024

Người lập bảng

HIỆU TRƯỞNG

Lý Thị Tốt

Trần Thị Lụa